TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2023
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Ấp Kinh T, xã Hòa M, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp Kinh T, xã Hòa M, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2023, Biên bản hòa giải ngày 18/4/2023 và tại phiên tòa anh Phạm Hữu N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N1 tự nguyện chung sống từ năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả, anh và chị N1 đã ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị N1.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị N1 có 01 con chung tên Phạm Thành Văn sinh ngày 09/4/2007 đang sống cùng anh chị. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu con theo ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 18/4/2023 bị đơn là chị Nguyễn Thị N1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với anh N về thời gian chung sống, chị và anh N không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa chị và anh N có xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay anh N cương quyết yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Phạm Thành Văn sinh ngày 09/4/2007 đang sống cùng anh chị. Sau khi ly hôn, chị thống nhất yêu cầu con theo ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa anh Phạm Hữu N và chị Nguyễn Thị N1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc *"Xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh N và chị N1 đều có địa chỉ cư trú tại ấp Kinh T, xã Hòa M, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị N1 có tham gia hòa giải nhưng Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị N1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh N và Chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là

vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận anh Phạm Hữu N và chị Nguyễn Thị N1 là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh N và chị N1 có 01 con chung tên Phạm Thành Văn sinh ngày 09/4/2007 đang sống cùng anh chị. Sau khi ly hôn, anh N yêu cầu con theo ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo quy định của pháp luật thì: *"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên…"; "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…"* và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: *"... con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2023 chị N1 cũng thống nhất với ý kiến của anh N, cháu Văn có nguyện vọng theo ai thì người đó có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Như vậy, cháu Phạm Thành Văn đã hơn 16 tuổi, tại Biên bản làm việc ngày 21/4/2023 thì cháu Văn xác định sau khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng cha, là anh Phạm Hữu N. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào yêu cầu của anh N, chị N1 cũng như là nguyện vọng của cháu Văn, cần giao cháu Văn cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng:

Về tài sản chung: Anh N và chị N1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Anh N và chị N1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Hữu N phải chịu án phí theo Điều 27 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Hữu N và chị Nguyễn Thị N1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thành Văn sinh ngày 09/4/2007 cho anh Phạm Hữu N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Văn đủ 18 tuổi; chị Nguyễn Thị N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N1 không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Hữu N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 27 tháng 3 năm 2023 anh N có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008970 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mầm **Nguyễn Tấn Lộc** **Tăng Thị Nhớ**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tăng Thị Nhớ